

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020 /HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chí
Ông Lê Văn Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị
xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa,
tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
90/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020,
giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Bành Văn H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam A2, tổng cục 8 Bộ Công an,
địa chỉ: xã D1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị
Mỹ K bày:*

Bà và ông Bành Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân phường N2, thị xã N năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng

phấn sinh mầu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, ông H không lo làm ăn mà chỉ lo chơi bời, không chung thủy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Đầu năm 2015, ông H phải đi chấp hành án do phạm tội Cố ý gây thương tích và tội Hiếp dâm. Từ đó bà cảm thấy mất niềm tin và tình yêu đối với ông H. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Bành Quốc H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014, hiện đang sống cùng bà Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Bành Văn H trình bày: Ông và bà Trần Thị Mỹ K tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường N2, thị xã Ninh Hòa. Thời gian sống chung ông ít quan tâm vợ con, chơi bời dẫn đến vi phạm pháp luật. Từ tháng 3 năm 2015, ông bắt đầu đi thi hành án cho đến nay. Nay bà K yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Về con chung: Giữa ông và bà K có 01 con chung là Bành Quốc H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:

- Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Bành Quốc H1; bản photo chứng minh nhân dân Trần Thị Mỹ K; bản photo sổ hộ khẩu Trần Thị Mỹ K; bản tự khai của Trần Thị Mỹ K; Biên bản lấy lời khai ông Bành Văn H và đơn xin xét xử vắng mặt của ông Bành Văn H; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ K với ông Bành Văn H; bản photo Quyết định thi hành án hình phạt tù, giấy xác nhận kết quả thi hành án của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn, bà K được ly hôn với ông H; về con chung: giao con chung là cháu Bành Quốc H1 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: bà K và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ K khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bành Văn H, thường trú tại: Tổ dân phố T, phường N2, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ K và ông Bành Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N2, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyền số I/2014 ngày 10/6/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà K và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng thường cảm thấy bị tổn thương do những thói hư tật xấu, những hành vi vi phạm pháp luật của chồng, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà K thấy mất hết niềm tin, tương lai và xác định không thể đoàn tụ gia đình vì không còn tình yêu đối với ông H. Bà K yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý và xin được xét xử vắng mặt.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, bà Trần Thị Mỹ K yêu cầu ly hôn ông Bành Văn H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà K và ông H có 01 con chung là cháu Bành Quốc H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014. Xét thấy ông H hiện đang phải chấp hành hình phạt tù, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Cháu H1 hiện đang sinh sống ổn định cùng bà K nên bà K yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định của pháp luật và cũng phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của ông H. Do đó yêu cầu của bà K về việc nuôi con được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do

bà K không yêu cầu.

Ông Bành Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ K, ông Bành Văn H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Bà Trần Thị Mỹ K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ K được ly hôn ông Bành Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bành Quốc H1, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014 cho bà Trần Thị Mỹ K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Bành Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ K, ông Bành Văn H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Bà Trần Thị Mỹ K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0009272 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường N2 (GCNKH số 44/2014 ngày 10/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Quỳnh Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lương

Lê Văn CHiến

LêThị Quỳnh Trang